

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 207/QĐ-UBND-TH

Quận 4, ngày 18 tháng 01 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2017

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 03/2005/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước và chế độ báo cáo tình hình thực hiện công khai tài chính;

Căn cứ Quyết định số 55/2016/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu dự toán thu – chi ngân sách Nhà nước năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 3288/QĐ-UBND-TH ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Quận 4 về giao chỉ tiêu dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2017;

Xét Tờ trình số 09/TTr-TCKH ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Phòng Tài chính - Kế hoạch về công khai dự toán ngân sách Quận 4 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2017 (biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Quận 4, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các cơ quan đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. /74/

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT.UBND Thành phố;
- Sở Tài chính Thành phố;
- TT.Quận ủy Quận 4;
- TT HĐND Quận 4;
- TT UBND Quận 4;
- VP HĐND&UBND: CVP;
- Lưu: Vt.



CHỦ TỊCH

Trần Hoàng Quân

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH QUẬN NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 207 /QĐ-UBND-TH ngày 18 /01/2017 của Ủy ban nhân dân Quận 4)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán
I	<u>Tổng số thu ngân sách nhà nước trên địa bàn</u>	1.415.980
1	Thu nội địa (không kể thu từ dầu thô)	1.403.000
2	Thu từ xuất khẩu, nhập khẩu (số cân đối)	
3	Ghi thu	12.980
II	<u>Thu ngân sách quận (NSDP)</u>	465.753
1	Thu ngân sách quận hưởng theo phân cấp	174.538
	- Các khoản thu ngân sách quận hưởng 100%	32.536
	- Các khoản thu phân chia ngân sách quận hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	142.002
2	Thu bổ sung từ ngân sách thành phố	278.235
	- Bổ sung cân đối	278.235
	- Bổ sung có mục tiêu	-
3	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước chuyển sang	
4	Ghi thu	12.980
III	<u>Chi ngân sách quận (NSDP)</u>	465.753
1	Chi đầu tư phát triển	-
2	Chi thường xuyên	452.773
3	Dự phòng	
4	Chi bổ sung ngân sách phường	-
5	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau	-
6	Ghi chi	12.980

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP QUẬN VÀ NGÂN SÁCH CỦA CÁC PHƯỜNG NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 207 /QĐ-UBND-TH ngày 18 /01/2017 của Ủy ban nhân dân Quận 4)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán
A	<u>NGÂN SÁCH CẤP QUẬN</u>	
I	<u>Nguồn thu ngân sách cấp quận</u>	459.206
1	Thu ngân sách quận hưởng theo phân cấp	167.991
	- Các khoản thu ngân sách cấp quận hưởng 100%	25.989
	- Các khoản thu phân chia giữa NS cấp trên và NS cấp quận	142.002
2	Thu bổ sung từ ngân sách thành phố	278.235
	- Bổ sung cân đối	278.235
	- Bổ sung có mục tiêu	
3	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước chuyển sang	
4	Ghi thu	12.980
II	<u>Chi ngân sách cấp quận</u>	459.206
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp quận theo phân cấp (không kể số bổ sung cho ngân sách cấp dưới)	329.488
2	Bổ sung cho ngân sách phường	104.746
	- Bổ sung cân đối	104.746
	- Bổ sung có mục tiêu	
3	Dự phòng	11.992
4	Ghi chi	12.980
B	<u>NGÂN SÁCH PHƯỜNG</u>	
I	<u>Nguồn thu ngân sách phường</u>	111.293
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	6.547
	- Các khoản thu ngân sách phường hưởng 100%	6.547
	- Các khoản thu phân chia phần ngân sách phường hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp quận	104.746
	- Bổ sung cân đối	104.746
	- Bổ sung có mục tiêu	-
II	<u>Chi ngân sách phường</u>	111.293

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 207 /QĐ-UBND-TH ngày 18 /01/2017 của Ủy ban nhân dân Quận 4)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán
	TỔNG SỐ THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1.415.980
A	<u>Tổng các khoản thu cân đối NSNN</u>	1.415.980
I	Thu nội địa	1.415.980
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	789.000
a	Thuế thu nhập doanh nghiệp	333.300
b	Thuế giá trị gia tăng (VAT)	455.600
c	Thuế tiêu thụ đặc biệt	100
2	Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao	140.000
3	Lệ phí trước bạ	119.100
4	Thu phí, lệ phí	18.500
5	Lệ phí Môn bài	9.000
6	Các khoản thu về nhà, đất	307.400
a	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.200
b	Thuế chuyển quyền sử dụng đất	-
c	Thu tiền sử dụng đất	173.100
d	Thu tiền thuê đất	132.100
7	Thu khác ngân sách	20.000
8	Ghi thu	12.980
II	Thu viện trợ không hoàn lại	
B	<u>Tổng thu ngân sách quận (NSDP)</u>	465.753
I	Các khoản thu cân đối ngân sách quận (NSDP)	465.753
1	Các khoản thu 100%	32.536
2	Thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	142.002
3	Thu bổ sung từ ngân sách thành phố	278.235
4	Ghi thu	12.980
II	Các khoản thu được để lại chi quản lý qua NSNN	-

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH QUẬN NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 207 /QĐ-UBND-TH ngày 18 /01/2017 của Ủy ban nhân dân Quận 4)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH QUẬN (NSDP)	465.753
A	<u>Tổng chi cân đối ngân sách quận (NSDP)</u>	465.753
I	Chi đầu tư phát triển	-
	Trong đó	
1	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	-
2	Chi khoa học công nghệ	-
II	Chi thường xuyên	452.773
	Trong đó	
1	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	158.510
2	Chi khoa học công nghệ	-
III	Dự phòng	-
IV	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau	-
V	Ghi chi	12.980
B	<u>Các khoản chi được quản lý qua ngân sách nhà nước</u>	-

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP QUẬN NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 207 /QĐ-UBND-TH ngày 18 /01/2017 của Ủy ban nhân dân Quận 4)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH CẤP QUẬN	459.206
I	Chi đầu tư phát triển	0
	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	0
II	Chi thường xuyên	329.488
1	Chi sự nghiệp kinh tế	28.129
2	Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo	158.210
3	Chi sự nghiệp y tế	20.174
4	Chi sự nghiệp văn hóa nghệ thuật	3.571
5	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	300
6	Chi sự nghiệp xã hội	63.527
7	Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	42.508
8	Chi an ninh quốc phòng và TT ATXH	5.435
9	Quỹ khen thưởng	945
10	Chi khác	5.770
11	Chương trình mục tiêu	919
III	Dự phòng	11.992
IV	Chi bổ sung ngân sách Phường	104.746
V	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau	
VI	Ghi chi	12.980

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP QUẬN CHO TỪNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC CẤP QUẬN NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 207 /QĐ-UBND-TH ngày 18 /01/2017 của Ủy ban nhân dân Quận 4)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng chi	Chi ĐTP T vốn trong nước	Chi thường xuyên								Chi chương trình MTQG
				Tổng số	Gồm					Chi SN khác	Chi QLHC	
					Chi SN GD-ĐT	Chi SN Y tế	Chi SN Kinh tế	Chi ANQP				
A	B	10	11	12	13	14	15	16	17	18		
	TỔNG CỘNG	459.206	-	459.206	158.210	20.174	28.129	5.435	202.886	43.453	919	
I	Các cơ quan đơn vị của quận	313.187		313.187	158.210	20.174	28.129	5.435	68.684	32.555	-	
	Khối quản lý nhà nước	99.864		99.864	3.051	-	-	-	64.257	32.555	-	
1	Văn phòng UBND	7.670		7.670					226	7.444		
2	Phòng Tư pháp	1.375		1.375						1.375		
3	Phòng Kinh tế	1.420		1.420						1.420		
4	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1.850		1.850						1.850		
5	Phòng Giáo dục	5.257		5.257	2.815					2.442		
6	Phòng Y tế	1.420		1.420					70	1.350		
7	Phòng Lao động TB và XH	65.216		65.216	36				62.971	2.208		
8	Phòng Văn hoá thông tin	1.199		1.199					70	1.129		
9	Phòng Tài nguyên môi trường	2.304		2.304					54	2.250		
10	Phòng Nội vụ	2.650		2.650	200					2.450		



STT	Tên đơn vị	Tổng chi	Chi ĐTPT vốn trong nước	Chi thường xuyên							Chi chương trình MTQG	
				Tổng số	Gồm							
					Chi SN GD-ĐT	Chi SN Y tế	Chi SN Kinh tế	Chi ANQP	Chi SN khác	Chi QLHC		
A	B	10	11	12	13	14	15	16	17	18		
11	Thanh tra	1.160		1.160							1.160	
12	Phòng Quản lý đô thị	6.044		6.044					866	5.178		
13	Sinh hoạt hè	101		101						101		
14	Hỗ trợ hoạt động khác và mua sắm	2.198		2.198						2.198		
	ANQP & TT ATXH	5.435		5.435				5.435	-	-	-	
1	Ban chỉ huy quân sự quận 4	3.235		3.235				3.235				
2	Công an quận 4	2.200		2.200				2.200				
	Sự nghiệp y tế	20.730	-	20.730	-	20.174	-	-	556	-	-	
	Bệnh viện quận 4	1.717		1.717		1.717						
	Trung tâm Y tế dự phòng	19.012		19.012		18.456			556			
	SN Văn hóa nghệ thuật	3.571		3.571					3.571	-	-	
1	Nhà thiếu nhi quận 4	1.222		1.222					1.222			
2	Trung tâm Văn hóa quận 4	2.152		2.152					2.152			
3	Khác	198		198					198			
	SN Thể dục thể thao	300		300					300			
1	Trung tâm TDTT quận 4	-		-								
1	Khác	300		300					300			
	SN kinh tế	28.129	-	28.129	-	-	28.129	-	-	-	-	

STT	Tên đơn vị	Chi ĐTPT vốn trong nước	Chi thường xuyên								Chi chương trình MTQG
			Tổng số	Gồm						Chi QLHC	
				Chi SN GD-ĐT	Chi SN Y tế	Chi SN Kinh tế	Chi ANQP	Chi SN khác			
A	B	10	12	13	14	15	16	17	18		
1	Sự nghiệp giao thông	12.023	12.023			12.023					
2	Kiến thiết thị chính	5.784	5.784			5.784					
3	Sự nghiệp môi trường	9.916	9.916			9.916					
	SN kinh tế khác	405	405			405					
	SN Giáo dục - Đào tạo	155.159	155.159	-	-	-				-	
1	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị	1.273	1.273								
2	Trung tâm dạy nghề	315	315								
3	Đào tạo khác	-	-								
4	Giáo dục phổ thông	153.571	153.571								
II	Chi hỗ trợ các tổ chức XH và XH nghề nghiệp	8.804	8.804							8.804	
1	UB Mặt trận Tổ quốc	2.205	2.205							2.205	
2	Hội Liên hiệp phụ nữ	1.881	1.881							1.881	
3	Quận đoàn	2.063	2.063							2.063	
4	Hội Cựu chiến binh	1.003	1.003							1.003	
5	Hội Chữ thập đỏ	707	707							707	
6	Hỗ trợ hội đặc thù	945	945							945	
7	Kinh phí hoạt động ngoài khoản	-	-								
III	Chi chương trình mục tiêu quốc gia	919	919							919	

STT	Tên đơn vị	Tổng chi	Chi ĐTPT vốn trong nước	Chi thường xuyên							Chi chương trình MTQG
				Tổng số	Gồm						
					Chi SN GD-ĐT	Chi SN Y tế	Chi SN Kinh tế	Chi ANQP	Chi SN khác	Chi QLHC	
A	B	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
IV	Chi khác	4.484		4.484					4.484		
	Trong đó: Hỗ trợ khối nội chính								1.791		
V	Quỹ khen thưởng	1.594		1.594						1.594	
VI	Trợ cấp thôi việc	500		500						500	
VII	Tiết kiệm thêm 10% chi TX dùng để	-		-							
VIII	Chi bổ sung NS phường	104.746		104.746					104.746		
IX	Dự phòng	11.992		11.992					11.992		
X	Ghi chi	12.980		12.980					12.980		

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CHO CÁC DỰ ÁN, CHƯƠNG TRÌNH MỤC
TIÊU QUỐC GIA VÀ CÁC MỤC TIÊU NHIỆM VỤ KHÁC DO CẤP QUẬN
THỰC HIỆN NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số 207 /QĐ-UBND-TH ngày 18 /01/2017 của Ủy ban nhân dân Quận 4)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán
I	Chương trình mục tiêu quốc gia	919
1	Chương trình mục tiêu dân số và KHHGĐ	919

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

**TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN
NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ, NGÂN SÁCH QUẬN VÀ NGÂN SÁCH PHƯỜNG
ĐÃ ĐƯỢC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUYẾT ĐỊNH NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số 207 /QĐ-UBND-TH ngày 18 /01/2017 của Ủy ban nhân dân Quận 4)

STT	Chi tiết theo các sắc thuế (theo phân cấp của thành phố)	Tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu thành phố được hưởng	Tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu quận được hưởng	Tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu phường được hưởng
1	Thuế giá trị gia tăng		18	
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp		18	
3	Lệ phí Môn bài (trừ thu từ cá nhân, hộ kinh doanh)		100	
4	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh			100
5	Lệ phí trước bạ (trừ lệ phí trước bạ nhà, đất)	100		
6	Lệ phí trước bạ nhà, đất		100	
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			100
8	Thuế thu nhập cá nhân	100		
9	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	100		
10	Tiền sử dụng đất	100		
11	Các khoản thu phí, lệ phí, phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật do các cơ quan, đơn vị thuộc cấp quận tổ chức thu (không kể phí xăng, dầu và lệ phí trước bạ); các khoản thu khác của ngân sách quận theo quy định của pháp luật.		100	
12	Các khoản thu phí, lệ phí, phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật do các cơ quan, đơn vị thuộc cấp phường tổ chức thu (không kể phí xăng, dầu và lệ phí trước bạ); các khoản thu khác của ngân sách phường theo quy định của pháp luật.			100

**TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU CHO NGÂN SÁCH
TỪNG PHƯỜNG ĐÃ ĐƯỢC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUYẾT ĐỊNH
NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số 207 /QĐ-UBND-TH ngày 18 /01/2017 của Ủy ban nhân dân Quận 4)

STT	Tên xã, phường	Chi tiết theo các khoản thu (theo phân cấp của tỉnh)	
		Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	Lệ phí Môn bài thu từ cá nhân hộ kinh doanh
1	Phường 1	100%	100%
2	Phường 2	100%	100%
3	Phường 3	100%	100%
4	Phường 4	100%	100%
5	Phường 5	100%	100%
6	Phường 6	100%	100%
7	Phường 8	100%	100%
8	Phường 9	100%	100%
9	Phường 10	100%	100%
10	Phường 12	100%	100%
11	Phường 13	100%	100%
12	Phường 14	100%	100%
13	Phường 15	100%	100%
14	Phường 16	100%	100%
15	Phường 18	100%	100%

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH CỦA CÁC PHƯỜNG NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 207 /QĐ-UBND-TH ngày 18 /01/2017 của Ủy ban nhân dân Quận 4)

Đơn vị tính: ngàn đồng

Số TT	Tên phường	Tổng thu NSNN trên địa bàn phường	Tổng chi ngân sách phường	Số bổ sung từ ngân sách cấp quận cho cấp phường		
				Tổng số	Bổ sung cân đối	Bổ sung có mục tiêu
1	Phường 01	7.027.713	7.027.713	6.680.290	6.680.290	
2	Phường 02	7.402.381	7.402.381	7.132.258	7.132.258	
3	Phường 03	7.721.047	7.721.047	7.376.910	7.376.910	
4	Phường 04	7.581.069	7.581.069	7.098.013	7.098.013	
5	Phường 05	6.774.659	6.774.659	6.500.769	6.500.769	
6	Phường 06	7.200.924	7.200.924	6.602.617	6.602.617	
7	Phường 08	7.732.131	7.732.131	7.368.218	7.368.218	
8	Phường 09	7.065.908	7.065.908	6.771.831	6.771.831	
9	Phường 10	7.042.794	7.042.794	6.741.779	6.741.779	
10	Phường 12	7.342.374	7.342.374	6.454.856	6.454.856	
11	Phường 13	7.288.960	7.288.960	6.632.815	6.632.815	
12	Phường 14	7.618.487	7.618.487	7.265.545	7.265.545	
13	Phường 15	8.067.655	8.067.655	7.729.352	7.729.352	
14	Phường 16	8.079.939	8.079.939	7.707.208	7.707.208	
15	Phường 18	7.347.036	7.347.036	6.683.616	6.683.616	
		111.293.077	111.293.077	104.746.077	104.746.077	

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4